TÒA ÁN NHÂN DÂN TP TRÀ VINH
TỈNH TRÀ VINH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 23/2019/HNGĐ-ST
Ngày 25 - 7 - 2019
Về việc "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TRÀ VINH, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên toà: Bà Lê Thị Gẫm.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Thành; bà Lê Thị Trinh

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tuyền, cán bộ Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Phượng, Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 7 năm 2019 tại phòng xử án Toà án nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh tiến hành xét xử sơ thẩm đối với vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 117/2019/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2019 về việc *"Ly hôn"*. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 6 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Thạch Ngọc C, sinh năm 1985 (có mặt).

Nơi cư trú: ấp SR, xã TH, huyện TC, tỉnh TV.

Bị đơn: Chị Sơn Thị Ngọc L, sinh năm 1991 (vắng mặt).

Nơi cư trú: khóm 3, phường 9, thành phố TV, tỉnh TV.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay nguyên đơn anh Thạch Ngọc C trình bày: Anh và chị Thạch Thị Ngọc L xác lập quan hệ hôn nhân với nhau vào năm 2015, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn vào ngày 07/01/2015 tại Ủy ban nhân dân xã TH, huyện TC, tỉnh TV. Trong quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc, nhưng hai người không có con chung, không có tài sản chung và cũng không có nợ chung. Do tính tình không hợp nhau, mâu thuẫn thường xuyên xảy ra, nên anh C và chị L đã sống ly thân nhau từ năm 2018 cho đến nay. Nay, anh C yêu cầu được ly hôn với chị Sơn Thị Ngọc L.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Sơn Thị Ngọc L vắng mặt tại phiên tòa.

Tại phiên tòa hôm nay, vị Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người

tham gia tố tụng dân sự thực hiện tốt các qui định tại các Điều 28, 35, 39; 70, 71, 72, 73, 209, 210, 211, 220, 234, 239, 248, 249, 250, 258, 260, 261 của Bộ luật tố tụng dân sự về xét xử sơ thẩm vụ án.

Về nội dung: Vị Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1, Điều 51; khoản 1, Điều 56; Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Thạch Ngọc C. Cho anh C được ly hôn với chị Sơn Thị Ngọc L. Anh C phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật của vụ án và thẩm quyền giải quyết: Anh Thạch Ngọc C khởi kiện yêu cầu được ly hôn với chị Sơn Thị Ngọc L nên quan hệ pháp luật của vụ án là "*Ly hôn*" căn cứ vào khoản 1, Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Chị Sơn Thị Ngọc L có nơi cư trú tại khóm 3, phường 9, thành phố TV, tỉnh TV nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh theo quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Chị Sơn Thị Ngọc L là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến Tòa án để tham gia phiên hòa giải, công khai chứng cứ và tham gia phiên tòa nhưng chị L vắng mặt không có lý do, xem như chị L không có ý kiến phản đối với yêu cầu ly hôn của anh C, nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt chị L là phù hợp với quy định của pháp luật tại điểm b, khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

Anh Thạch Ngọc C và chị Sơn Thị Ngọc L xác lập quan hệ hôn nhân với nhau vào năm 2015 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TH, huyện TC, tỉnh TV là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận. Trong quá trình chung sống anh C và chị L sống chung hạnh phúc được một thời gian, đến năm 2018 thì anh C và chị L phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên anh C và chị L đã ly thân nhau, trong suốt thời gian ly thân hai người bỏ mặc nhau, không quan tâm chăm sóc nhau, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được, nay anh C yêu cầu được ly hôn với chị L, cũng như đề nghị của Viện kiểm sát là có căn cứ chấp nhận.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Anh C khai là không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Anh C phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b, khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57, Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của anh Thạch Ngọc Cuông.

Cho anh Thạch Ngọc C được ly hôn với chị Sơn Thị Ngọc L.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Anh C khai là không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về án phí: Anh Thạch Ngọc C phải chịu 300.000đ (*Bai trăm ngàn đồng*) án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai thu tiền số: 0002634 ngày 12/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh (chuyển thành án phí).

Án xử sơ thẩm công khai báo cho đương sự có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Sơn Thị Ngọc L vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại Ủy ban nhân dân xã (phường) nơi chị L cư trú.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Gẫm

** Nơi nhận:*
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND TP Trà Vinh;
- THADS TP Trà Vinh;
- UBND xã TH, h.TC, tỉnh TV;
- Các đương sự;
- Lưu.